

CÔNG TY CỔ PHẦN GENTRACO

Địa chỉ: 121 Nguyễn Thái Học, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

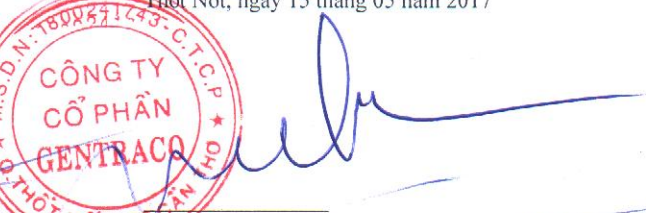
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3,458,327,082,937	5,392,439,994,980
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		16,401,625,236	3,117,115,143
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3,441,925,457,701	5,389,322,879,837
4. Giá vốn hàng bán	11		3,395,563,571,697	5,331,892,791,414
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46,361,886,004	57,430,088,423
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		104,958,865,609	33,911,096,379
7. Chi phí tài chính	22		83,574,988,093	80,828,964,421
Trong đó: chi phí lãi vay	23		81,168,948,714	69,086,244,950
8. Chi phí bán hàng	24		48,622,762,674	49,025,985,381
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16,304,564,278	17,694,761,220
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,818,436,568	(56,208,526,220)
11. Thu nhập khác	31		2,822,903,760	59,015,613,416
12. Chi phí khác	32		1,306,593,363	1,497,770,466
13. Lợi nhuận khác	40		1,516,310,397	57,517,842,950
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4,334,746,965	1,309,316,730
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		5,650,000	3,933,612,044
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		365,293,035	(4,553,373,667)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>3,963,803,930</u>	<u>1,929,078,353</u>

Thốt Nốt, ngày 15 tháng 05 năm 2017


Trương Duy Hải
Người lập
Trương Duy Hải
Kế toán trưởng
Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GENTRACO

Địa chỉ: 121 Nguyễn Thái Học, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,520,791,167,170	1,897,069,634,226
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16,066,891,983	25,938,164,611
1. Tiền	111		16,066,891,983	25,938,164,611
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		70,930,423,101	62,438,882,183
1. Chứng khoán kinh doanh	121		70,946,360,701	62,592,135,845
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(15,937,600)	(153,253,662)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,204,512,252,151	1,614,705,698,131
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		325,770,958,855	586,967,296,161
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		521,343,345,960	918,600,180,433
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		363,020,094,973	113,516,636,453
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6,497,001,901)	(6,531,501,901)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		874,854,264	2,153,086,985
IV. Hàng tồn kho	140		179,874,908,293	176,724,368,467
1. Hàng tồn kho	141		179,874,908,293	176,724,368,467
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		49,406,691,642	17,262,520,834
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		38,778,218,585	14,086,994,460
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9,976,003,054	2,523,056,371
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		652,470,003	652,470,003
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN GENTRACO

Địa chỉ: 121 Nguyễn Thái Học, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		368,265,264,452	265,483,750,563
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		137,733,948	147,733,948
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		137,733,948	147,733,948
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		124,451,179,251	84,511,326,285
1. Tài sản cố định hữu hình	221		108,457,947,825	67,913,306,753
Nguyên giá	222		135,322,914,539	92,699,268,546
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26,864,966,714)	(24,785,961,793)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		15,993,231,426	16,598,019,532
Nguyên giá	228		21,756,652,713	21,756,652,713
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5,763,421,287)	(5,158,633,181)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		47,204,307,495	4,139,419,365
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		47,204,307,495	4,139,419,365
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		194,900,000,000	172,800,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		194,900,000,000	172,800,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		0	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,572,043,758	3,885,270,965
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,572,043,758	3,885,270,965
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,889,056,431,622	2,162,553,384,789

71493
GTY
PHÂN
TRAC
T-TP.C

CÔNG TY CỔ PHẦN GENTRACO

Địa chỉ: 121 Nguyễn Thái Học, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

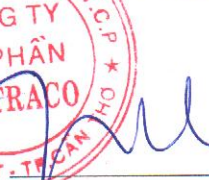
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,667,417,643,461	1,940,343,204,508
I. Nợ ngắn hạn	310		1,513,420,877,454	1,835,983,086,536
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		183,081,341,536	313,251,671,623
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		268,004,858,896	388,960,353,802
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		167,768,583	138,103,125
4. Phải trả người lao động	314		-	36,746,757
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		602,987,128	458,493,950
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		111,393,806	292,716,667
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		4,373,455,316	5,887,900,877
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		1,056,705,384,028	1,126,583,411,574
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		373,688,161	373,688,161
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		153,996,766,007	104,360,117,972
1. Phải trả dài hạn người bán	331		41,773,600,000	77,317,245,000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		89,815,000,000	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		361,500,000	361,500,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		7,000,000,000	12,000,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		15,046,666,007	14,681,372,972
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		221,638,788,161	222,210,180,281
I. Vốn chủ sở hữu	410		221,638,788,161	222,210,180,281
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		129,584,930,000	129,584,930,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		129,584,930,000	129,584,930,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		982,595,371	982,595,371
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(9,575,291)	(9,575,291)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		16,287,028,570	16,287,028,570
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		74,793,809,511	75,365,201,631
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		70,830,005,581	74,632,047,183
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3,963,803,930	733,154,448
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,889,056,431,622	2,162,553,384,789

Thốt Nốt, ngày 15 tháng 05 năm 2017


Trương Duy Hải
Người lập biểu


Trương Duy Hải
Kế toán trưởng


Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

